TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 257/2020/QĐST-HNGĐ	*Bình Thạnh, ngày 10 tháng 3 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các Điều 397, 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 2333/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Bà Nguyễn Thị Huyền D, sinh năm 1974

Địa chỉ: Đường H, Phường S, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Phạm Ngọc S, sinh năm 1971

Địa chỉ: Đường N, Phường 1, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Huyền D và ông Phạm Ngọc S là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 105 ngày 02/3/1994 tại Uỷ ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Theo đơn yêu cầu ghi ngày 06/11/2019 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 02/3/2020, bà D và ông S yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận ông S là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên là Phạm Nguyễn Uyên P, sinh ngày 29/6/2004. Hàng tháng bà D có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con là 1.000.000đ (Một triệu) đồng, bắt đầu thi hành từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi, thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, Bà D và ông S thật sự tự nguyện ly hôn, thỏa thuận người trực tiếp nuôi con, tài sản chung không có và cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ việc này.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận bà Nguyễn Thị Huyền D và ông Phạm Ngọc S thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 105 ngày 02/3/1994 tại Uỷ ban nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh hết hiệu lực.

- Về con chung: Có 02 con chung là Phạm Nguyễn Ngọc D - sinh ngày 08/4/1994 (đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết) và Phạm Nguyễn Uyên P, sinh ngày 29/6/2004, bà D và ông S thỏa thuận cho ông S trực tiếp nuôi trẻ P, bà D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi trẻ P tròn 18 tuổi.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bà D có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà D và ông S phải chịu lệ phí là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số: AA/2019/0017297 ngày 04/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, đương sự đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (Sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (Sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Bình Thạnh;
- UBND quận Bình Thạnh;
- Chi cục THADS quận Bình Thạnh;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Dư Tuyết Lạnh